

Số: **2345/QĐ-BTNMT**

Hà Nội, ngày **25** tháng **11** năm **2013**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra**  
**năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Giao Chánh Thanh tra Bộ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện Kế hoạch này; căn cứ tình hình triển khai thực tế và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước để đề xuất việc điều chỉnh Kế hoạch này cho phù hợp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ (để phối hợp);
- Các Thủ trưởng (để chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để phối hợp);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTr (PB15).



**Nguyễn Minh Quang**

**KẾ HOẠCH THANH TRA, KIỂM TRA NĂM 2014 CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2345 /QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| S<br>T<br>T | NỘI DUNG  | Địa điểm  | Đơn vị phối hợp          | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-------------|---|---|--------------------------|---------------------|---------|
| I           | <b>THANH TRA BỘ</b>   |   |                          |                     |         |
| 1           | <b>Kiểm tra hành chính</b>  |   |                          |                     |         |
| 1.1         | Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; kiểm tra về bố trí vốn đầu tư và quyết toán vốn đầu tư từ NSNN tại các Chi thị: Số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ và số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN, trái phiếu Chính phủ; Quyết toán vốn các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Thủ tướng Chính phủ từ năm 2011 - 2013   | Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam                                     | Các cơ quan có liên quan | Quý III             |         |
|             |   | Cục Quản lý tài nguyên nước                                       |                          | Quý IV              |         |
|             |   | Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản                              |                          | Quý II              |         |
|             |   | Liên đoàn địa chất Bắc Trung Bộ                                   |                          | Quý III             |         |
|             |   | Liên đoàn địa chất xạ hiếm  |                          | Quý IV              |         |
| 1.2         | a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; kiểm tra về bố trí vốn đầu tư và quyết toán vốn đầu tư từ NSNN tại các Chi thị: Số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ và số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN, trái phiếu Chính phủ; Quyết toán vốn các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Thủ tướng Chính phủ từ năm 2011 - 2013;<br>b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khí tượng thủy văn | Trung tâm Khí tượng thủy văn Quốc gia và một số đơn vị trực thuộc |                          | Quý I-II            |         |



| S<br>T<br>T | NỘI DUNG  | Địa điểm                               | Đơn vị phối hợp  | Thời gian thực hiện | Ghi chú   |
|-------------|---|--|--|---------------------|---|
| 2           | <b>Thanh tra theo chuyên đề</b>   |  |  |                     |   |
|             | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường, tài nguyên nước đối với các khu công nghiệp                                   | Các tỉnh, thành phố có khu công nghiệp | Các Tổng cục: QLDD, MT; Cục QLTTNN   | Năm 2014            | Bộ tổ chức tập huấn và tiến hành thanh tra tại một số địa phương trọng điểm; các tỉnh còn lại, Bộ trung tập cán bộ các địa phương thành lập đoàn thanh tra chung để tổ chức thanh tra   |
| 3           | <b>Thanh tra trách nhiệm</b>  |  |  |                     |   |
|             | Thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường và các lĩnh vực: Đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, đo đạc và bản đồ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Hải Dương                              | Tổng cục Quản lý đất đai, Tổng cục Môi trường, Tổng cục ĐC&KS Việt Nam, Cục Quản lý TNN, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam | Quý I-II            | Tại Thái Nguyên và Hà Tĩnh lồng ghép với thanh tra chuyên đề về nước khoáng; tại Thái Nguyên, Lâm Đồng, Hà Tĩnh và Thừa Thiên Huế lồng ghép với thanh tra đất đồng bào dân tộc thiểu số |
|             |   | Đồng Tháp                              |  | Quý I-II            |   |
|             |   | Thanh Hóa                              |  | Quý III-IV          |   |
|             |   | Thái Nguyên                            |  | Quý II-III          |   |
|             |   | Lâm Đồng                               |  | Quý II-III          |   |
|             |   | Thừa Thiên Huế                         |  | Quý IV              |   |
|             |   | Hà Tĩnh                                |  | Quý IV              |   |
|             |   | Kiên Giang                             |  | Quý II-III          |   |
| 4           | <b>Hậu kiểm</b>   |  |  |                     |   |
|             | Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra về tài nguyên và môi trường từ năm 2012 đến nay  | 03-05 cuộc                             | Các cơ quan và địa phương có liên quan   | Năm 2014            |   |
| 5           | <b>Thanh tra, kiểm tra đột xuất</b>   | 05 cuộc                                |  | Năm 2014            |   |
| 6           | <b>Giải quyết đơn thư khiếu tố do Thủ tướng và Bộ trưởng giao</b>   | 30 cuộc                                |  | Năm 2014            |   |
| II          | <b>TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI</b>   |  |  |                     |   |
| 1           | Thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới   | Các tổ chức kinh tế                    | Thanh tra Bộ; các địa phương có liên quan  | Quý I-II            | Tổng cục Môi trường phối hợp để lồng ghép nội dung thanh tra về môi trường đối với các khu đô thị   |
| 2           | Thanh tra, kiểm tra đột xuất  | 05 cuộc                                |  | Năm 2014            |   |

| S<br>T<br>T | NỘI DUNG  | Địa điểm   | Đơn vị phối hợp   | Thời gian thực hiện | Ghi chú  |
|-------------|---|--|---|---------------------|--|
| III         | <b>TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG</b>  |  |   |                     |  |
| 1           | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các dự án đã được hỗ trợ kinh phí xử lý triệt để theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ | Các đơn vị theo danh sách tại Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013; các DA xử lý ô nhiễm triệt để đã được cấp NS TƯ đã đến thời hạn phải hoàn thành trên địa bàn các tỉnh: Nam Định, Thái Bình, Bắc Giang, Hà Giang, Cao Bằng, Sơn La, Lạng Sơn, Phú Thọ, Lai Châu, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Kon Tum, Đắk Nông, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Trà Vinh, Cà Mau và TP. Hồ Chí Minh | Thanh tra Bộ, C49; Các Bộ, ngành và Sở TN&MT các tỉnh, thành phố có liên quan                       | Quý II-IV           |  |
| 2           | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở và cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường trên các lưu vực sông  | Lưu vực sông Nhuệ - Đáy gồm các tỉnh: Hòa Bình, Nam Định và Ninh Bình  | Thanh tra Bộ; C49; PC49, Ban quản lý các KCN, Sở TNMT các tỉnh/thành phố và các đơn vị có liên quan | Quý I-II            | Không thanh tra các khu công nghiệp trong năm 2014 |
|             |   | Lưu vực sông Cầu gồm các tỉnh: Vĩnh Phúc và Bắc Kạn  |   | Quý II              |  |
|             |   | Lưu vực hệ thống sông Đồng Nai gồm các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh  |   | Quý III             |  |
| 3           | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như: Dệt nhuộm, sản xuất hóa chất, thuốc trừ sâu                                  | Các cơ sở sản xuất hóa chất, thuốc trừ sâu theo Văn bản số 3325/BTNMT-BVMT ngày 8/8/2006 của Bộ; các cơ sở dệt nhuộm có nguy cơ gây ô nhiễm MT nghiêm trọng  | Thanh tra Bộ; C49; PC 49, Sở TNMT và Ban quản lý các KCN, KKT các tỉnh/thành phố                    | Quý II-IV           |  |
| 4           | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường   | Các tỉnh/thành phố: Bạc Liêu, Cần Thơ, Hậu Giang, Cà Mau   | Thanh tra Bộ; Sở TNMT tỉnh/Thành phố; C49, PC49; các Bộ, ngành liên quan                            | Quý II              |  |
|             |   | Quảng Nam, Quảng Ngãi, và TP.Đà Nẵng   |   | Quý II-III          |  |
|             |   | Điện Biên, Hưng Yên, Sơn La, Thái Bình   |   | Quý IV              |  |

| S<br>T<br>.T | NỘI DUNG   | Địa điểm   | Đơn vị phối hợp  | Thời gian thực hiện | Ghi chú  |
|--------------|--|--|--|---------------------|--|
| 5            | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hành nghề quản lý chất thải nguy hại (do Tổng cục Môi trường cấp giấy phép)           | Các cơ sở trên địa bàn Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh/thành phố được thanh tra về bảo vệ môi trường năm 2014 | Thanh tra Bộ; C49; Sở TN&MT các địa phương có liên quan; các đơn vị lấy và phân tích mẫu | Quý II-IV           | Lồng ghép vào các nhiệm vụ khác  |
| 6            | Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học đối với các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển | 02 - 03 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển    | Sở TNMT tỉnh/Thành phố; C49; Bộ NN&PTNT và các Bộ, ngành liên quan                       | Quý II-IV           |  |
| <b>IV</b>    | <b>TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM</b>  |  |  |                     |  |
| 1            | <b>Kiểm tra</b>  |  |  |                     |  |
|              | Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác liên quan trong hoạt động khoáng sản của tổ chức, cá nhân   | Nghệ An, Hà Giang, Phú Yên   | UBND tỉnh, thành phố có liên quan  | Quý II-III          | Tại Phú Yên kết hợp kiểm tra công tác quản lý nhà nước; tại Nghệ An, Phú Yên kết hợp kiểm tra khai thác nước khoáng  |
| 2            | <b>Thanh tra</b>   |  |  |                     |  |
|              | Thanh tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động thăm dò và khai thác nước khoáng  | Hà Nội, Hòa Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Bình, Ninh Bình  | Thanh tra Bộ; Các địa phương có liên quan  | Quý I               | Tại Quảng Ninh kết hợp thanh tra công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; tại Ninh Bình kết hợp kiểm tra thăm dò khoáng sản; tại Phú Thọ kết hợp kiểm tra thăm dò khoáng sản và hậu kiểm; tại Long An kết hợp hậu kiểm |
|              |  | TP. Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Trị   |  | Quý II              |  |
|              |  | Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận, Khánh Hòa, Long An, Tiền Giang  |  | Quý III             |  |

| S<br>T<br>T | NỘI DUNG  | Địa điểm   | Đơn vị phối hợp                                   | Thời gian thực hiện | Ghi chú  |
|-------------|---|--|---|---------------------|--|
| 3           | <b>Hậu kiểm</b>   |  |   |                     |  |
|             | Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra về khoáng sản từ năm 2012-2013   | Lào Cai, Bình Định, An Giang   | UBND tỉnh, thành phố có liên quan                 | Quý III-IV          | Tại Lào Cai kết hợp kiểm tra thăm dò khoáng sản; tại An Giang, Bình Định kết hợp việc thăm dò, khai thác nước khoáng |
| 4           | <b>Thanh tra, kiểm tra đột xuất</b>   | 05 cuộc  |   | Năm 2014            |  |
| <b>V</b>    | <b>CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>  |  |   |                     |  |
| 1           | <b>Kiểm tra</b>   |  |   |                     |  |
|             | Kiểm tra việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trong mùa lũ hằng năm   | Các hồ theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các tỉnh, TP thuộc miền Trung - Tây Nguyên | Thanh tra Bộ, các Sở TN& MT                       | Quý IV              |  |
| 2           | <b>Thanh tra</b>  |  |   |                     |  |
| 2.1         | Thanh tra việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước | Ninh Thuận, Bình Thuận   | Thanh tra Bộ, các cơ quan và địa phương liên quan | Quý II              |  |
| 2.2         | Thanh tra việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất              | Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định  |   | Quý III-IV          |  |
| <b>VI</b>   | <b>TỔNG CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM</b>  |  |   |                     |  |
|             | Kiểm tra công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo   | Quảng Ninh, Hải Phòng  | Thanh tra Bộ và các cơ quan liên quan             | Quý I-II            |  |
|             |   | Khánh Hòa, Bình Định   |   | Quý II-III          |  |
|             |   | Trà Vinh, Cà Mau   |   | Quý III-IV          |  |
| <b>VII</b>  | <b>CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM</b>  |  |   |                     |  |
|             | Kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động đo đạc và bản đồ tại các tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ                     | An Giang, Tiền Giang   | Các đơn vị và địa phương có liên quan             | Quý II              |  |
|             |   | Nghệ An, TP. Hồ Chí Minh   |   | Quý II-III          |  |
|             |   | Sơn La, Phú Thọ  |   | Quý IV              |  |

| S<br>T<br>T  | NỘI DUNG  | Địa điểm                              | Đơn vị phối hợp                                     | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|--|---|---------------------------------------|---|---------------------|---------|
| <b>VIII CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b> |   |                                       |   |                     |         |
| 1  | Kiểm tra Dự án: AVN08-S-01 "Thu hồi khí mêtan trong hệ thống xử lý nước thải"   | Nghệ An                               | Thanh tra Bộ; Bộ Công thương; các cơ quan liên quan | Quý II              |         |
| 2  | Kiểm tra Dự án: Đồng phát nhiệt điện sử dụng bã mía tại Cty CP mía đường Lam Sơn  | Thanh Hóa                             |   | Quý III             |         |
| 3  | Kiểm tra việc thực hiện Quy chế báo áp thấp nhiệt đới, bão, lũ; Quy chế Thông tin cảnh báo thiên tai trên biển; Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản QPPL về KTTV và việc cung cấp thông tin xả lũ của các hồ chứa | Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế | Các cơ quan và địa phương có liên quan              | Quý I-II            |         |
|  |   | Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng        |   |                     |         |

**Tổng kinh phí : 29.500 triệu đồng** (Hai mươi chín tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) , bao gồm:

- |  |                      |
|--|----------------------|
| 1. Nguồn kinh phí của Thanh tra Bộ:  | 4.950,00 triệu đồng  |
| <i>Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường:</i>  | 450,00 triệu đồng    |
| <i>Nguồn kinh phí quản lý hành chính:</i>  | 4.500,00 triệu đồng  |
| 2. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Tổng cục Quản lý đất đai:                   | 1.200,00 triệu đồng  |
| 3. Nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Tổng cục Môi trường:               | 19.550,00 triệu đồng |
| 4. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam:   | 1.700,00 triệu đồng  |
| 5. Nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế của Cục Quản lý tài nguyên nước:                 | 1.500,00 triệu đồng  |
| 6. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam:          | 200,00 triệu đồng    |
| 7. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam:              | 200,00 triệu đồng    |
| 8. Nguồn kinh phí quản lý hành chính của Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu: | 200,00 triệu đồng    |

